TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết**.**

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Thái Dìn và bà Nguyễn Thị Tiếp

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Bùi Thị Vân Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thúc Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28A/2025/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 19/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn N, xã C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Tấn H1, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn N, xã C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2025, nộp ngày 29/5/2025 và bản tự khai nguyên đơn chị Mai Thị H trình bày: Chị và anh Đỗ Tấn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã C, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 19/12/2014. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến những năm gần đây vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh H1 rượu chè, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Hai bên gia đình cũng nhiều lần khuyên giải nhưng anh H1 vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022

cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị xin được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Anh Đ, sinh ngày 20/9/2015 và cháu Đỗ Anh D, sinh ngày 24/02/2019. Khi ly hôn chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Tấn H1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi và trực tiếp tống đạt Giấy triệu tập, thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh H1. Anh H1 có mặt tại địa phương đã nhận, nhưng sau đó lại từ chối nhận các văn bản tố tụng và vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Mai Thị H được ly hôn anh Đỗ Tấn H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Anh Đ, sinh ngày 20/9/2015 và cháu Đỗ Anh D, sinh ngày 24/02/2019. Giao cả hai cháu Đỗ Anh Đ và cháu Đỗ Anh D cho chị Mai Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Mai Thị H làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Đỗ Tấn H1 trú tại thôn N, xã C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn chị Mai Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt chị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đỗ Tấn H1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các thủ tục tố tụng đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C (N là xã C), tỉnh Thanh Hóa nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh H1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh H1 rượu chè, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu của chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Anh Đ, sinh ngày 20/9/2015 và cháu Đỗ Anh D, sinh ngày 24/02/2019. Chị H có nguyện vọng được nuôi cả 02 (hai) con. Cháu Đỗ Anh Đ có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Đỗ Anh D chưa đủ 7 tuổi nên Toà không hỏi nguyện vọng của cháu. Đối với anh Đỗ Tấn H1 vắng mặt tại phiên toà, quá trình giải quyết vụ án không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Xét nguyện vọng nuôi con của chị H là chính đáng, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, do đó giao cả 02 (hai) con Đỗ Anh Đ và Đỗ Anh D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ tuổi thành niên là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 2 và khoản 5 Điều 177, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho chị Mai Thị H được ly hôn anh Đỗ Tấn H1.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Anh Đ, sinh ngày 20/9/2015 và cháu Đỗ Anh D, sinh ngày 24/02/2019. Giao cả hai cháu Đỗ Anh Đ và Đỗ Anh D cho chị Mai Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu giải quyết. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000378, ngày 29/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy (Nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực A - Thanh Hóa). Chị H đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12 - Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Phòng THADS khu vực 12 - Thanh Hoá;
- UBND xã Cẩm Thuỷ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thị Ánh Tuyết

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**